

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 353/1997/QĐ-NHNN2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH "QUY CHẾ CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ"

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ngày 23-5-1990;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Quyết định số 196/TTg ngày 1-4-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng các dữ liệu thông tin trên vật mang tin để làm chứng từ kế toán và thanh toán của các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng.
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế chuyển tiền điện tử".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 3: Chánh văn phòng Thống đốc, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Tổng Giám đốc (giám đốc) các Tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

QUY CHẾ

CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 353/1997/QĐ-NHNN2

ngày 22 tháng 10 năm 1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Chuyển tiền điện tử trong quy chế này được hiểu là toàn bộ quá trình xử lý một khoản chuyển tiền qua mạng máy vi tính kể từ khi nhận được một Lệnh chuyển tiền của người phát lệnh đến khi hoàn tất việc thanh toán cho người thụ hưởng (đối với chuyển tiền Có) hoặc thu nợ từ người nhận lệnh (đối với chuyển tiền Nợ).

Điều 2: Trong quy chế này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các bên tham gia trong chuyển tiền điện tử:

- Người phát lệnh: là tổ chức hoặc cá nhân gửi Lệnh chuyển tiền đến Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước để thực hiện việc chuyển tiền điện tử. - Người nhận lệnh: là tổ chức hoặc cá nhân được thụ hưởng khoản tiền (nếu là Lệnh chuyển Có) hoặc là tổ chức hay cá nhân phải trả tiền (nếu là Lệnh chuyển Nợ có uỷ quyền) - còn gọi là người trả tiền.

- Ngân hàng A: Là Ngân hàng trực tiếp nhận Lệnh chuyển tiền từ người phát lệnh để thực hiện Lệnh chuyển tiền đó.

- Ngân hàng B: là Ngân hàng B (được xác định trên Lệnh chuyển tiền) sẽ trả tiền cho Người thụ hưởng (nếu là Lệnh chuyển Có) hoặc sẽ thu nợ từ người nhận lệnh (nếu là Lệnh chuyển Nợ).

- Ngân hàng trung gian: là Ngân hàng làm trung gian chuyển tiền giữa Ngân hàng A và Ngân hàng B. Tùy từng khoản chuyển tiền điện tử mà có thể có một hoặc một số Ngân hàng trung gian tham gia thực hiện. - Ngân hàng gửi lệnh: là Ngân hàng A hoặc là Ngân hàng trung gian

phát lệnh chuyển tiền tới một Ngân hàng tiếp theo để thực hiện Lệnh chuyển tiền của người phát lệnh.

- Ngân hàng nhận lệnh: là Ngân hàng trung gian hoặc Ngân hàng B nhận được Lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng gửi lệnh truyền đến để thực hiện Lệnh chuyển tiền của người phát lệnh.

2. Các thuật ngữ khác:

- Lệnh chuyển tiền: là một chỉ định của người phát lệnh đối với Ngân hàng A dưới dạng chứng từ kế toán nhằm thực hiện việc chuyển tiền điện tử. Lệnh chuyển tiền có thể quy định thời điểm thực hiện, ngoài ra không kèm theo điều kiện thanh toán nào khác. Lệnh chuyển tiền có thể là Lệnh chuyển Nợ hoặc Lệnh chuyển Có.

- Lệnh chuyển Nợ là Lệnh chuyển tiền của người phát lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của người nhận mở tại Ngân hàng B một số tiền xác định và để ghi Có cho Tài khoản của người phát lệnh tại Ngân hàng A về số tiền đó.

- Lệnh chuyển Có là Lệnh chuyển tiền của người phát lệnh nhằm ghi Nợ Tài khoản của người phát lệnh tại Ngân hàng A một số tiền xác định để ghi Có cho Tài khoản của người nhận lệnh (người thụ hưởng) tại Ngân hàng B về số tiền đó.

- Lệnh chuyển tiền giá trị cao là Lệnh chuyển tiền mà có số tiền bằng hoặc lớn hơn mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước theo từng thời kỳ.

- Lệnh chuyển tiền giá trị thấp là Lệnh chuyển tiền mà có số tiền dưới mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Bức điện: là hình thức thể hiện nội dung của Lệnh chuyển tiền hay thông báo về chuyển tiền điện tử và được truyền qua mạng máy tính giữa các Ngân hàng, thay cho việc chuyển chứng từ hoặc thông báo liên quan đến chuyển tiền điện tử.

- Xác nhận bức điện: là thủ tục đã được quy định trước giữa các Ngân hàng nhằm xác định rằng Lệnh chuyển tiền hoặc thông báo đã được chuyển tới đúng Ngân hàng B và thông tin không bị thay đổi trên đường truyền.

- Thực hiện Lệnh chuyển tiền: là quá trình thực hiện hoàn tất một Lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng A đến Ngân hàng B bao gồm việc thực hiện các bút toán của các Ngân hàng có liên quan đến Lệnh chuyển tiền. - Thời gian thực hiện: gồm thời gian thực hiện quy định và thời gian thực hiện thực tế.

+ Thời gian thực hiện quy định: là thời gian quy định theo chế độ cho việc thực hiện một lệnh chuyển tiền, bắt đầu từ khi Ngân hàng A nhận được lệnh chuyển tiền đến khi Ngân hàng B thực hiện xong lệnh chuyển tiền đó.

+ Thời gian thực hiện thực tế: là thời gian thực tế được sử dụng để thực hiện lệnh chuyển tiền.

- Chấp nhận lệnh chuyển tiền: một lệnh chuyển tiền được coi là chấp nhận trong các trường hợp sau:

+ Khi Ngân hàng nhận lệnh (trừ Ngân hàng B) chấp nhận lệnh chuyển tiền để thực hiện, chuyển tiếp hoặc trong phạm vi thời gian chấp nhận quy định Ngân hàng nhận lệnh không tra soát hoặc trả lại Ngân hàng gửi lệnh.

+ Ngân hàng B chấp nhận lệnh chuyển tiền khi đã hạch toán vào tài khoản của người nhận lệnh hoặc đã thông báo cho người nhận lệnh mà không kèm theo một thông báo từ chối, hoặc trong phạm vi thời gian chấp nhận quy định Ngân hàng B không thông báo từ chối hoặc tra soát lại Ngân hàng gửi lệnh chuyển tiền.

Điều 3: Phạm vi chuyển tiền điện tử theo Quy chế này bao gồm: các chuyển tiền Có và chuyển tiền Nợ có uỷ quyền bằng tiền đồng hoặc bằng ngoại tệ giữa các đơn vị trong cùng một hệ thống Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, hoặc giữa các hệ thống ngân hàng và Kho bạc Nhà nước trong nước với nhau. Việc chuyển tiền bằng ngoại tệ phải thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Các khoản thanh toán bù trừ điện tử, thanh toán với nước ngoài qua mạng S.W.I.F.T, các hình thức thanh toán điện tử khác có quy định riêng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 4: Đối tượng tham gia chuyển tiền điện tử là các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo Quyết định số 83/QĐ-NH2 ngày 09-4-1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành "Quy chế Ngân hàng thành viên tham gia thanh toán điện tử Liên Ngân hàng" và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

- Riêng việc chuyển tiền điện tử giữa các đơn vị trong một hệ thống Ngân hàng phải bảo đảm điều kiện và tiêu chuẩn do Tổng giám đốc, Giám đốc Ngân hàng đó quy định.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

Điều 5: Lệnh chuyển tiền:

1. Lệnh chuyển tiền phải do người phát lệnh lập trên mẫu thống nhất do Ngân hàng Nhà nước ban hành.
2. Việc lập, xử lý, kiểm soát, luân chuyển và bảo quản Lệnh chuyển tiền và Lệnh huỷ phải thực hiện theo đúng chế độ chứng từ kế toán của Ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước quy định.
3. Các Ngân hàng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, nội dung của Lệnh chuyển tiền và việc xử lý chuyển tiền điện tử do mình thực hiện.

Điều 6: Một Lệnh chuyển tiền được thể hiện dưới dạng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử. Vì vậy phải được quản lý, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ để tránh việc sử dụng nhầm lẫn, tham ô, lợi dụng dẫn đến thanh toán nhiều lần cho một Lệnh chuyển tiền, gây sai sót.

1. Khi một Lệnh chuyển tiền được chuyển đổi từ chứng từ bằng giấy sang chứng từ điện tử thì chứng từ điện tử sẽ có giá trị để chuyển tiền, chứng từ bằng giấy chỉ có giá trị lưu giữ để theo dõi và tra soát, không có hiệu lực để thanh toán.
2. Khi một Lệnh chuyển tiền chuyển đổi từ chứng từ điện tử thành chứng từ bằng giấy thì chứng từ bằng giấy này có giá trị để chuyển tiền, chứng từ điện tử chỉ có giá trị lưu giữ để theo dõi và tra soát, không có hiệu lực để thanh toán.
3. Việc chuyển đổi Lệnh chuyển tiền từ chứng từ bằng giấy sang chứng từ điện tử hoặc ngược lại thực hiện theo đúng quy chế về lập, sử dụng, kiểm soát, xử lý, bảo quản và lưu trữ chứng từ điện tử do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 7: Thực hiện và hoàn tất một Lệnh chuyển tiền:

1. Lệnh chuyển Có chỉ được thực hiện khi:
 - a. Ngân hàng A nhận được Lệnh chuyển tiền hợp lệ do người phát lệnh nộp vào và người phát lệnh đã trả đủ số tiền trên Lệnh chuyển tiền đó cho Ngân hàng A.
 - b. Ngân hàng nhận lệnh chỉ chấp nhận đối với Lệnh chuyển tiền chuyển tới hợp lệ và đã được Ngân hàng gửi lệnh thanh toán đủ số tiền theo Lệnh chuyển tiền đó.
2. Lệnh chuyển Nợ chỉ được thực hiện khi: